

Bản án số: 45/2020/HS-PT
Ngày 27-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *TH1nh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyến

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Bà Phạm Thị Thanh Bình.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tH1nh phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tH1nh phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Bà Đồng Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tH1nh phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 27/2020/TLPT-HS ngày 04 tháng 6 năm 2020 do có kháng cáo của Viện kiểm sát nhân dân tH1nh phố Hải Phòng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2020/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TL1, tH1nh phố Hải Phòng.

Bị cáo bị kháng nghị:

1. Phạm Đức T, sinh ngày 24/8/1989 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Khu 5, thôn ML, xã TL, huyện TL1, tH1nh phố Hải Phòng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; con ông Phạm Khương D và bà Lê Thị C; có vợ là Nguyễn Thị Thanh H1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 02/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tH1nh phố Hải Phòng đã ra Quyết định khởi tố bị can số 265/QĐ-PC02(DD4); bị tạm giữ từ ngày 03/12/2019 đến ngày 11/12/2019 chuyển tạm giam, đến ngày 10/01/2020 được thay thế biện pháp Bảo lãnh. Có mặt.

2. Nguyễn Văn Q1, sinh ngày 26/8/1976 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Khu 9, thôn SĐ, xã TL, huyện TL1, tH1nh phố Hải Phòng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 06/12; con bà Ngô Thị Đ; có vợ là Vũ Thị Q và 03 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Lê Chí D1, sinh ngày 19/6/1995 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Khu 2, thôn ML, xã TL, huyện TL1, tH1nh phố Hải Phòng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; con ông Lê Văn D2 và bà Phạm Thị D3; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị: Vũ Văn P1, Ngô Văn H1. Vắng mặt do Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Lê Thị L, sinh năm 1965, trú tại: Khu 2, xã TL, huyện TL1, không có chồng con, đã chết ngày 12/9/2019. Khoảng tháng 10/2019, thân nhân bà L có thống nhất giao cho bà Phạm Thị D3 là mẹ đẻ của Lê Chí D1 (bà D3 là em dâu bà L) và D1 H1ng ngày có trách nhiệm quản lý, trông coi nH1 bà L.

Sáng ngày 03/12/2019, bà D3 đi làm, D1 ở nH1 một mình trông coi nH1 bà L. Khoảng 09 giờ cùng ngày, Phạm Đức T, Ngô Văn H1, Nguyễn Văn Q1, Vũ Văn P1 và 01 người nam giới (hiện chưa xác định được là ai, ở đâu) đến nH1 bà L ngồi chơi. Khoảng 10 giờ cùng ngày, T, H1, Q1 và người nam giới rủ nhau đánh “lôc” được thua bằng tiền. Dụng cụ để đánh “lôc” là 01 bộ bài tứ lơ khơ có sẵn ở nH1 bà L. Trước khi đánh “lôc”, T, H1, Q1, P1 và người nam giới góp mỗi người 50.000 đồng để nhờ D1 mua, nước, thuốc lá phục vụ đánh “lôc”. Những người đánh lôc chia bộ bài làm 4 phần, mỗi phần 10 lá bài, trong ván bài ai đánh hết trước là người thắng, những người chơi còn lại sẽ phải trả cho người thắng 10.000 đồng/01 lá bài đối với lá bài còn chưa đánh hết, ai xin lôc thì phải trả cho người bắt lôc 1.200.000 đồng, nếu ai đánh được lá bài nào trong ván bài thì phải trả cho người thắng 150.000 đồng. Lúc đầu có H1, Q1, T và người nam giới đánh “lôc” với nhau, đến khi người cùng ngày (03/12/2019) thì bị Công an huyện TL1 bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 01 bộ bài tứ lơ khơ, số tiền dùng để đánh “lôc” là 19.530.000 đồng; trong đó thu của P1 6.580.000 đồng, của T 5.100.000 đồng, của H1 5.300.000 đồng, của Q1 2.300.000 đồng và 250.000 đồng của những người chơi bỏ ra để mua nước, thuốc lá nhưng chưa đưa cho D1.

Tại Bản án sơ thẩm số 12/2020/HS-ST ngày 29/4/2020, Tòa án nhân dân huyện TL1, tH1nh phố Hải Phòng đã căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Đức T 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Lê Chí D1) và Điều 36 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q1 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ và Lê Chí D1 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho bị cáo D1 và bị cáo Q1 mỗi bị cáo 27 ngày cải tạo không giam giữ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ nộp án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo Bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện Kiểm sát nhân dân tH1nh phố Hải Phòng có Quyết định kháng nghị số 16/QĐ-VKS-P7 ngày 27/5/2020 với nội dung:

- Thứ nhất: Áp dụng sai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phạm Đức T:

Trước khi bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TL1 bắt quả tang về H1nh vi đánh bạc ngày 03/12/2019 thì bị cáo Phạm Đức T đã có H1nh vi đánh bạc dưới hình thức “Cá độ bóng đá”, ngày 02/10/2019 bị Cơ quan CSĐT Công an tH1nh phố Hải Phòng khởi tố bị can. Như vậy, H1nh vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, đang được tại ngoại trong giai đoạn điều tra nhưng tiếp tục phạm tội mới. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định bị cáo “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không chính xác.

- Thứ hai, khẩu trừ không đúng số ngày Cải tạo không giam giữ đối với hai bị cáo Nguyễn Văn Q1 và Lê Chí D1:

Các bị cáo Nguyễn Văn Q1, Lê Chí D1 bị bắt quả tang hồi 11 giờ 30 phút ngày 03/12/2019. Tại Quyết định tạm giữ ghi thời gian từ hồi 19 giờ ngày 03/12/2019 đến 19 giờ ngày 06/12/2019; Quyết định gia hạn tạm giữ lần thứ nhất từ hồi 19 giờ ngày 06/12/2019 đến 19 giờ ngày 09/12/2019; Quyết định gia hạn tạm giữ lần thứ hai từ hồi 19 giờ ngày 09/12/2019 đến 19 giờ ngày 12/12/2019. Đến ngày 11/12/2019 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Như vậy, biện pháp tạm giữ của Q1 và D1 được áp dụng từ 19 giờ ngày 03/12/2019 đến 19 giờ ngày 11/12/2019. Do đó, thời hạn tạm giữ của hai bị cáo Q1 và D1 là 08 ngày tạm giữ (quy đổi bằng 24 ngày cải tạo không giam giữ). Việc Tòa án nhân dân huyện TL1 xác định thời hạn tạm giữ của hai bị cáo là 09 ngày (quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ) và khẩu trừ cho bị cáo là 09 ngày (quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ) và khẩu trừ cho các bị cáo vào thời gian Cải tạo không giam giữ mà các bị cáo phải chấp H1nh là không chính xác, vi phạm Điều 117, 118, 134 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 17 Thông tư liên tịch số 04/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19/10/2018 quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tH1nh phố Hải Phòng trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến gì về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tH1nh phố Hải Phòng.

** Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:*

Viện Kiểm sát nhân dân tH1nh phố Hải Phòng giữ nguyên nội dung kháng nghị như trên và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng nghị của VKS: Không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Đức T và sửa thời gian khấu trừ số ngày Cải tạo không giam giữ đối với hai bị cáo Nguyễn Văn Q1 và Lê Chí D1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tH1nh phố Hải Phòng:

[1] Đối với nội dung kháng nghị: Bản án sơ thẩm áp dụng sai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phạm Đức T, Hội đồng xét xử đánh giá:

[1.1] Tại Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có giải đáp liên quan về áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” như sau:

“Tình tiết “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được hiểu như thế nào?

Phạm tội lần đầu là từ trước đến nay chưa phạm tội lần nào. Nếu trước đó đã phạm tội và bị kết án, nhưng đã được xóa án tích hoặc chưa bị kết án, nhưng đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa bị kết án, chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nay bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong cùng lần phạm tội sau, thì không được coi là phạm tội lần đầu.

Phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Phạm tội gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến ba năm tù;

- Phạm tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nhưng người phạm tội có vị trí, vai trò thứ yếu, không đáng kể trong vụ án có đồng phạm.

Tòa án chỉ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 khi có đủ 02 yếu tố “phạm tội lần đầu” và “thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng”. Nếu bị cáo phạm tội lần đầu mà không phải thuộc trường hợp ít nghiêm trọng hoặc ngược lại phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng lần phạm tội này không phải là phạm tội lần đầu thì không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015) để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo”

[1.2] Đối chiếu với quy định trên, bị cáo Phạm Đức T trước khi thực hiện H1nh vi phạm tội đánh bạc ngày 03/12/2019 (bị Tòa án huyện TL1 xét xử), bị cáo đã có H1nh vi đánh bạc dưới hình thức “Cá độ bóng đá” và bị Cơ quan cảnh sát điều tra khởi tố ngày 02/10/2019 nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Như vậy, kháng nghị của VKSND tH1nh phố Hải Phòng về việc không cho bị cáo Phạm Đức T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Đối với nội dung kháng nghị: Bản án sơ thẩm khấu trừ không đúng số ngày Cải tạo không giam giữ đối với hai bị cáo Nguyễn Văn Q1 và Lê Chí D1, Hội đồng xét xử đánh giá:

[2.1] Theo như Quyết định tạm giữ, Quyết định gia hạn tạm giữ thì thời hạn tạm giữ của mỗi quyết định đều là 03 ngày. Theo quy định tại Điều 118 Bộ luật Tố tụng hình sự thì thời hạn tạm giữ không quá 03 ngày. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra 3 quyết định tạm giữ đối với mỗi bị cáo Q1 và D1, mỗi lần 03 ngày nên 3 lần sẽ là 09 ngày. Ngày cuối cùng của thời hạn tạm giữ theo Quyết định gia hạn tạm giữ là ngày 12/12/2019 nhưng đến ngày 11/12/2019, các bị cáo đã được thay đổi biện pháp ngăn chặn là Cấm đi khỏi nơi cư trú. Do đó, thời gian các bị cáo Q1 và D1 chỉ bị tạm giữ là 08 ngày, không phải là 09 ngày như Bản án sơ thẩm nhận định nên nội dung VKSND tH1nh phố Hải Phòng kháng nghị là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Bản án do Viện kiểm sát nhân dân tH1nh phố Hải Phòng kháng nghị nên các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự: Sửa bản án hình sự sơ thẩm, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tH1nh phố Hải Phòng.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Đức T 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp H1nh hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi

thi H1nh án (trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/12/2019 đến ngày 10/01/2020).

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (căn cứ thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Lê Chí D1) và Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo:

- Nguyễn Văn Q1 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho bị cáo Q1 24 (Hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp H1nh 14 (Mười bốn) tháng 06 (Sáu) ngày cải tạo không giam giữ.

- Lê Chí D1 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. trừ cho bị cáo D1 24 (Hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp H1nh 11 (Mười một) tháng 06 (Sáu) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi H1nh án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Lê Chí D1, Nguyễn Văn Q1 cho Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TL1, tH1nh phố Hải Phòng giám sát, giáo dục.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPHP;
- VKSND huyện TL1;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT huyện TL1;
- Cơ quan THADS huyện TL1;
- TAND huyện TL1;
- Sở Tư pháp tH1nh phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyên

Nơi nhận:

- VKSND TPHP;
- VKSND huyện An Dương;
- PV27 Công an TPHP;
- Cơ quan CSĐT huyện An Dương;
- Cơ quan THAHS huyện An Dương;
- TAND huyện An Dương;
- Sở Tư pháp TP;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Văn Thiệm**